TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST
Ngày 28/9/2022
Về "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt;

2. Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-DS ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Kim K, sinh năm 1948; địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Thạch K, sinh năm 1960 và bà Sơn Thị Sa K, sinh năm 1959; cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị C, sinh năm 1957; địa chỉ: Nhà không số, ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 24/5/2022, quá trình giải quyết vụ án (Các bút lục 08, 36, 90) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Kim K trình bày:

Ông K có quyền sử dụng đất thuộc thửa 145, tờ bản đố số 52; tọa lạc tại ấp Bưng Lức, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cấp ngày 26/11/2014.

Về nguồn gốc quyền sử dụng đất trên, ông K nhận chuyển nhượng của người cháu vào năm 1996.

Khi nhận chuyển nhượng, hiện trạng là đất trồng mía cũ của Tập đoàn sản xuất nhưng bỏ hoang, chỉ có cỏ mọc; ranh giới thửa đất này với đất của ông K1 ở hướng Nam là bờ đất cũ từ xưa, ông K có trồng cây Dừa trên bờ đất tại phần gần với ông Lâm L. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông K cũng chỉ sử dụng đất để trồng rẫy, cách nay hơn 10 năm mới cho xe ủi thành đất ruộng. Quá trình hai bên trồng lúa, ông K1 đã chặt bỏ cây Dừa và những cây tạp khác trên bờ cũ, lấn ranh chiếm đất của ông K với chiều rộng khoảng 40cm và dài 5,2m. Ông K không quản lý cây trồng trên bờ cũ, không dám thu hoạch hay đốn cây trên bờ này vì cây là của ông K1. Bờ đất cũ là ranh giới có mặt bờ rộng khoảng 40cm, cao khoảng 50cm nhưng bị ông K1 dùng len đào đất bên ruộng của ông K1 đắp lên bờ lấn qua ruộng của ông K, làm cho bờ đất lớn hơn trước với chiều rộng khoảng 60cm đến 70cm; vợ của ông K1 là bà K còn dùng cột cặm lấn sang phần ruộng của ông K. Khi ông K1 đào đất đắp bờ, ông K và bà C đều biết nhưng không ngăn cản, sau đó ông K yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Trung Bình hòa giải nhưng không thành. Ông K biết được diện tích đất tranh chấp rộng 40cm và dài 6,0m nằm trong thửa đất mà ông K được cấp Giấy chứng nhận là do ông K1 không chịu chia đôi bờ đất theo ý kiến của chính quyền địa phương; ngoài ra, không còn thông tin nào khác xác định đất tranh chấp nằm trong thửa 145 mà ông K được cấp Giấy chứng nhận; từ trước tới nay, chỉ có bờ đất làm ranh, ông K1 tự trồng và đốn cây Dừa cùng những cây mọc tự nhiên khác trên bờ. Toàn bộ thửa đất 145 cũng như diện tích đất tranh chấp chỉ có ông K cùng vợ là bà Lâm Thị C trực tiếp trồng lúa; ngoài vợ chồng ông K, không còn ai khác cùng sử dụng đất hoặc có liên quan đến phần tranh chấp.

Tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn giao nộp là: Bản fotocoppy Đơn yêu cầu ngày 29/5/2021, Đơn yêu cầu điều chỉnh lại ranh đất ruộng ngày 03/6/2021, Biên bản hòa giải ngày 01/6/2021; Biên bản hòa giải ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân xã Trung Bình (Bút lục 01 đến 06); Bản sao Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 145; Đơn xác nhận nơi cư trú của các đương sự chưa được cấp số nhà; Đơn đề nghị không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu miễn tiền tạm ứng án phí, án phí (Bút lục 09 đến 21).

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2022, Tờ tường trình ngày 17/8/2022 (Bút lục 40, 41) cũng như quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 90) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Thạch K1 và bà Sơn Thị Sa K trình bày:

Vợ chồng ông K1 có quyền sử dụng 01 công tầm lớn đất tại ấp Bưng Lức, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận. Giáp với đất của vợ chồng ông K1 ở hướng Bắc là hướng Nam đất của ông Kim K, ranh giới giữa hai bên được xác lập bằng bờ đất cũ từ xưa, bờ đất này chạy dài thẳng phương theo hướng Đông sang hướng Tây. Nguồn gốc thửa đất được Nhà nước trang trải lại từ năm 1990 sau khi giải thể Tập đoàn sản xuất số 15, trước đó là đất của cha mẹ ông K1 đã được nhập vào Tập đoàn. Thời điểm được trang trải, thửa đất của ông K1 và đất của ông Kim K đều là đất trồng rẫy; sau đó, ông K1 ủi đất để trồng lúa.

Ông Kim K sang lại đất của người cháu, thời điểm ông K sang đất sau khi ông K1 được trang trải khoảng 07 đến 08 năm; thời gian đầu sau khi sang đất, ông K sử dụng để trồng khoai được vài năm mới ủi để trồng lúa. Quá trình hai bên trồng lúa, đều sử dụng xe máy cày nên bờ ranh giữa hai bên có khi bị sạt, mỗi khi bị sạt bờ như vậy, bên nào có xe máy cày làm thì bên đó đắp lại bờ. Tuy nhiên, việc đắp lại bờ không được như cũ dù ranh giới vẫn là bờ đất cũ từ xưa, vì bờ cũ rộng khoảng 01 mét nhưng hiện nay chỉ rộng khoảng 40cm và thấp hơn; ngoài bờ đất này ra, không còn cột mốc hay cây trồng gì khác làm ranh; gia đình ông K1 không phá bờ, không cặm cột ranh như ông Kim K trình bày.

Việc sử dụng đất để sản xuất chỉ có ông K1 và bà K trực tiếp trồng lúa đến sát bờ đất làm ranh; ngoài vợ chồng ông K1, không còn ai khác cùng sử dụng đất có phần tranh chấp mà ông K khởi kiện. Ông Thạch K1 và bà Sơn Thị Sa K khẳng định chỉ sử dụng đất thuộc quyền của mình, không bao giờ có ý định lấn chiếm đất của bất cứ ai nên không đồng ý với yêu cầu đòi 40cm chạy dài 5,2m của ông Kim K.

- Quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 89) và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị C trình bày: Hoàn toàn thống nhất với toàn bộ các ý kiến của ông Kim K, không bổ sung gì thêm, không yêu cầu gì khác.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được gồm: Biên bản lấy lời khai của các đương sự (Bút lục 36, 40); Biên bản về việc các đương sự thỏa thuận giá tài sản tranh chấp (Bút lục 86); Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (Bút lục 74); hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kim K (Bút lục 55 đến 60). Các đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Kim K, quyết định về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ông K yêu cầu ông K1 với bà K trả lại quyền sử dụng đất được cho là bị lấn chiếm. Quan hệ tranh chấp này được pháp luật điều chỉnh tại Khoản 24 Điều 3, Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng quy định tại Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết.

- Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (Bút lục 74), quyền sử dụng đất tranh chấp xác định được như sau:

Hướng Đông: Giáp phần đất do ông Lâm L đang sử dụng, có số đo là 40cm từ cột cây do ông K cắm trên ruộng lúa của ông K1 kéo về hướng Bắc.

Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của ông Thạch K1 đang sử dụng, có số đo là 40cm từ cột cây do ông K cắm tại 1/3 bờ đất từ hướng Nam kéo về hướng Bắc, bờ đất này là lối đi ngăn cách giữa ruộng lúa của hai bên.

Hướng Nam: Giáp phần đất do ông Thạch K1 đang trồng lúa, có số đo là 5,2m từ cột cây do ông K cắm ở hướng Đông (Giáp ruộng của ông L) kéo về hướng Taay, đến cột cây ở hướng này do ông K cắm giáp với phần đất còn lại do ông K1 đang sử dụng.

Hướng Bắc: Giáp bờ đất là lối đi ngăn cách giữa ruộng lúa của ông K1 với ruộng lúa của ông K, có số đo là 5,2m theo cột cây đã định vị từ hướng Tây sang hướng Đông.

Diện tích đất tranh chấp là 2,2m^2 thuộc thửa 149, tờ bản đồ số 52; tọa lạc tại ấp Bưng Lức, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Thạch K1 đứng tên (Theo thửa cũ là 412, tờ bản đồ số 01). Các cột cây cắm để xác định ranh giới khi thẩm định được định vị và lưu vị trí bằng thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đo đạc, cập nhật lên Hệ thống dữ liệu quản lý nhà nước về đất đai để sử dụng lâu dài, không cần lưu vị trí điểm tọa độ trên thực địa. Hiện trạng đất tranh chấp là một phần ngang 10cm và dài 5,2m thuộc ruộng lúa của ông K1, phần còn lại ngang 30cm và dài 5,2m chính là bờ đất hiện tại.

- Căn cứ Biên bản về việc thỏa thuận giá tài sản tranh chấp (Bút lục 86), thì: Các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án không thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị tài sản tranh chấp, cùng đề nghị áp dụng giá trị quyền sử dụng đất cao hơn giá theo khung giá đất tại Quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, làm cơ sở để giải quyết vụ án. Cụ thể: Quyền sử dụng đất tranh chấp được xác định về loại đất theo thực tế sử dụng là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, có giá 100.000 đồng/m^2.

- Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kim K, do Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cung cấp, thì: Ngày 26/11/2014, hộ ông Kim K được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02509. Tại trang 3 của Giấy chứng nhận (Bút lục 56) cũng như tại Trích lục bản đồ địa chính có trong hồ sơ (Bút lục 58) đã thể hiện, ông K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 145 tại ấp Bưng Lức, xã Trung Bình; thửa đất có cạnh hướng Nam giáp với thửa đất số 149 (Thửa cũ là 412) của hộ ông Thạch K1, cạnh hướng Nam này là một đường thẳng chạy dài theo hướng Đông sang hướng Tây.

- Căn cứ những nội dung các đương sự đã thống nhất được với nhau tại Biên bản hòa giải ngày 12/9/2022 (Bút lục 89), thì: Các đương sự thống nhất về diện tích, vị trí, đặc điểm, hiện trạng phần đất tranh chấp theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án; ranh giới đất giữa hai bên là bờ đất cũ chạy dài theo hướng Tây sang Đông, bắt đầu từ sát bờ kênh chạy dọc lộ đal ở hướng Tây về hướng Đông, hiện bờ đất đầu hướng Tây còn nguyên vị trí cũ; ông K1 là người trực tiếp trồng cây Dừa trên bờ ranh phần giáp với ruộng của ông Lâm L, khai thác trái Dừa và quản lý cây trồng trên bờ ranh, gia đình ông K không trồng cây, không khai thác và quản lý cây trồng trên bờ ranh này.

Xét Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thì thấy: Việc xem xét, thẩm định tai chỗ được thực hiện đúng quy định tại Điều 97 và Điều 101 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng hoàn toàn thống nhất với kết quả thẩm định nên Biên bản này là chứng cứ để giải quyết vụ án, có giá trị xác định được diện tích, vị trí, hiện trạng và tình trạng pháp lý của phần đất tranh chấp.

Xét việc thỏa thuận xác định giá tài sản tranh chấp, thì thấy: Các đương sự thống nhất đất tranh chấp là đất trồng cây hàng năm khác, phù hợp thực tế sử dụng đất; tự thỏa thuận giá 100.000 đồng/m^2 phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ giá nêu trên làm cơ sở giải quyết vụ án, xác định giá trị đất tranh chấp là (2,2m^2 x 100.000 đồng/m^2) = 220.000 đồng (Hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Xét thông tin thu thập được tại các Biên bản lấy lời khai của đương sự, Biên bản hòa giải cũng như ý kiến thừa nhận của các bên tại phiên tòa, thì thấy: Lời trình bày của các bên hoàn toàn phù hợp với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ; việc xác định bờ đất là ranh cũ phù hợp với ranh đất theo sơ đồ tại Giấy chứng nhận và Trích lục bản đồ địa chính trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận. Cho nên, lời khai của các bên đương sự có giá trị là chứng cứ quy định tại Khoản 5 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét những lời trình bày và lý lẽ của các đương sự, thì thấy: Mặc dù bên nguyên đơn và phía bị đơn đều cho rằng mình đã quản lý, sử dụng ổn định phần đất tranh chấp nhưng không có đương sự nào giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nội dung này.

Từ 04 căn cứ và 04 nhận định nêu trên, đối chiếu với quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để xác định như sau:

Ông Kim K với ông Thạch K1 đều có quyền sử dụng đất nông nghiệp giáp ranh nhau tại ấp Bưng Lức, xã Trung Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Ranh giới giữa hai bên được ngăn cách bằng bờ đất cũ chạy dài từ giáp kênh dọc lộ đal ở hướng Tây, thẳng về hướng Đông. Bên ông K nhận chuyển nhượng thửa đất 411 vào khoảng năm 1996, phía ông K1 thì được Nhà nước giao đất khoảng năm 1990. Năm 1996, cả ông K và ông K1 đều được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến năm 2014, ông K đăng ký và được cấp đổi Giấy chứng nhận theo thửa mới là 145. So với Giấy chứng nhận được cấp năm 1996, diện tích thửa đất của ông K sau khi được cấp đổi Giấy chứng nhận đã tăng 43,1m^2. Tại bờ đất là ranh giới cũ, ông K1 đã trồng cây Dừa và trực tiếp quản lý, khai thác cây trồng trên bờ này; bên ông K không trồng cây, không khai thác cây trồng nêu trên.

Quá trình hai bên trồng lúa, đều có sử dụng xe máy cày để cải tạo đất nên bờ ranh giữa hai bên có bị sạt lở, mỗi khi bị sạt bờ như vậy, bên nào có xe máy cày làm thì bên đó đắp lại bờ nhưng việc đắp lại bờ không được như cũ vì bờ cũ rộng khoảng 01 mét nhưng hiện nay chỉ rộng khoảng 40cm và thấp hơn. Tuy nhiên, ông K cho rằng theo thói quen thì ranh đất là bờ chung nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông K1, bà K trả lại diện tích được cho là lấn chiếm nêu trên.

Xét yêu cầu của ông Kim K thì thấy:

Một là, từ khi nhận chuyển nhượng thửa đất vào năm 1996 đến nay, gia đình ông K chưa từng quản lý, sử dụng bờ đất là ranh giới cũ; ông K1 là người quản lý toàn bộ bờ đất này, sử dụng để trồng và khai thác các loại cây trên bờ.

Hai là, ông K đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai khi cho rằng ông K1 lấn ranh đất; không trung thực khi đã khai phía ông K1 đắp bờ mới lớn hơn, cắm cọc ranh mới.

Ba là, so với bờ ranh cũ, bờ đất nhỏ hiện tại còn cách khoảng 50cm về phía ông K1 và giới hạn cuối mà ông K đòi cách bờ ranh cũ khoảng gần 1m (Một mét), toàn bộ diện tích đất tranh chấp nằm trọn vẹn trong thửa đất của ông K1.

Đối chiếu với quy định tại các điều 99, 100 và 101 của Luật Đất đai thì ông K không phải là đối tượng có thể được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp do đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, đã xác định được diện tích này nằm trong thửa đất của ông K1, ông K chưa từng sử dụng. Cho nên, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất của ông K.

[3] Về chi phí tố tụng.

Theo Phiếu thu (Bút lục 67 và 77), Tòa án đã thu tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 4.362.377 đồng và chi phí hết. Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, ông K phải chịu chi phí này quy định tại Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu không được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản tranh chấp là 11.000 đồng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc trường hợp như tranh chấp không có giá ngạch. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi, có yêu cầu được miễn tiền án phí nên căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nêu trên, miễn nộp tiền án phí cho ông K.

[5] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 24 Điều 3, Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 26, điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kim K đối với bị đơn Thạch K1 và Sơn Thị Sa K, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* có đặc điểm, diện tích, vị trí theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ được nêu tại Căn cứ thứ nhất trong Mục [2] Phần Nhận định của Tòa án tại Bản án.

2. Ông Kim K phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.362.377 đồng (Bốn triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi bảy đồng). Các chi phí này, ông K đã nộp tạm ứng và thanh toán xong.

3. Miễn nộp số tiền án phí là 300.000 đồng cho ông Kim K, ông K được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG